TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 9 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: K339/H25/9 Trần Cao V, phường Xuân H, quận Thanh Kh, TP Đà Nẵng; có mặt.
- *Bị đơn:* Ông **Lâm Minh H**, sinh năm 1985; Địa chỉ: K19/71A Trần X, phường Hòa K, quận Thanh Kh, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lâm Minh H kết hôn vào năm 2015, tại UBND phường Thanh B, quận Hải Ch, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Trong cuộc sống hôn nhân chúng tôi mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Chồng tôi - ông Lâm Minh H cờ bạc, về đánh vợ từ khi tôi sinh đứa con thứ hai. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể nào hàn gắn được, hiện tại đã sống ly thân được 1 thời gian. Vì vậy, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với chồng tôi là ông Lâm Minh H.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi sinh được 02 người con có họ tên như sau:

- Lâm Gia L, sinh ngày 21-7-2015;

- Lâm Gia H, sinh ngày 28-3-2018.

Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi ly hôn thì tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Đối với Bị đơn - ông Lâm Minh H: Từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo triệu tập; thông báo của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Lâm Minh H; giao cả hai con chung là Lâm Gia H và Lâm Gia L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông H không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Lâm Minh H đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu T trình bày thì bà và ông Lâm Minh H đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường Thanh B, quận Hải Ch, TP Đà Nẵng. Trong quá trìnhvợ chồng sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là cả hai không có tiếng nói chung và ông Lâm Minh H cờ bạc, về đánh vợ từ khi bà T sinh đứa con thứ hai. Hiện tại, bà T và ông H đã sống ly thân. Nay bà T không chịu đựng được nữa, tình cảm của bà đối với chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lâm Minh H.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lâm Minh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà T cho rằng không chấp nhận được lối sống và không còn tình

cảm với ông H nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Về phía ông H không tham gia tố tụng dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ - Điều này thể hiện ông Lâm Minh H cũng đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà T ông H trong thời gian sống chung có phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cải vã, nay bà T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cùng hai con.

[4] Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà T ông H đã đến mức trầm trọng, hôn nhân thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T.

[5] Về quan hệ con chung: Theo bà Nguyễn Thị Thu T thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà sinh được 02 người con là Lâm Gia L, sinh ngày 21-7-2015 và Lâm Gia H, sinh ngày 28-3-2018. Khi ly hôn, bà T có yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông Lâm Minh H cấp dưỡng nuôi hai con chung. Đối với ông Lâm Minh H vắng mặt nên không có ý kiến về vấn đề này. Tuy nhiên xét hoàn cảnh thực tế của các đương sự thì thấy: Hiện nay, cả hai con chung đang sống chung với bà T. Các cháu vẫn học tập và sinh hoạt bình thường. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định hiện nay của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu về con chung của nguyên đơn, giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T trình bày tài sản chung và nợ chung không có. Bị đơn là ông Lâm Minh H vắng mặt nên không có ý kiến về quan hệ này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về vấn đề án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

[8] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Lâm Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Lâm Minh H.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98/2015 ngày 09 tháng 9 năm 2015 của UBND phường Thanh B, quận Hải Ch, TP Đà Nẵng.)

2. Về quan hệ con chung:

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lâm Minh H có 02 con chung tên là Lâm Gia L, sinh ngày 21-7-2015 và Lâm Gia H, sinh ngày 28-3-2018.

Giao cả hai con chung là Lâm Gia L và Lâm Gia H cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lâm Minh H không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001923 ngày 08 tháng 5 năm 2020 (đã nộp đủ).

4. Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND P.Thanh B, Q.Hải Ch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai